

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2026

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

Vào các ngày 05/3 và 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Kim P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 655, ấp Thị, xã CLG, tỉnh AG.

Bị đơn: Lê Phước T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà 45 B, đường MVK, tổ 2, ấp 3, xã MT (cũ) nay là phường MN, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị P có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi và tại phiên tòa chị Lê Thị Kim P là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Mỹ, huyện C Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, số 192/2015, quyền số

01/2015, đăng ký ngày 09/12/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, vợ chồng có 02 con chung. Nhưng đến khoảng đầu tháng 4/2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tài chính, sống không có Tg nói chung trong gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình. Hiện chị P đã nhiều lần góp ý nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến mục đích xây dựng gia đình không đạt được. Cuối tháng 4/2024 vợ chồng sống ly thân, dù vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không còn hạnh phúc như trước, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P xin ly hôn với anh Lê Phước T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hiếu N, sinh ngày 15/02/2016 và Lê Chí C, sinh ngày 16/7/2018. Hiện con chung Lê Hiếu N và Lê Chí C đang sống chung với chị P. Khi ly chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hiếu N, Lê Chí C và không yêu cầu anh Lê Phước T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ý kiến đề ngày 08/02/2026, anh Lê Phước T là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của chị P về việc vợ chồng có đăng ký kết hôn và thời gian sống chung cũng như mâu thuẫn như chị P trình bày. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Lê Phước T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Kim P.

Về nuôi con: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hiếu N, sinh ngày 15/02/2016 và Lê Chí C, sinh ngày 16/7/2018, hiện tại con chung Lê Hiếu N và Lê Chí C đang sống với chị P.

Sau khi ly hôn, anh T đồng ý để chị P tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Hiếu N, sinh ngày 15/02/2016 và Lê Chí C, sinh ngày 16/7/2018, anh T không cấp dưỡng nuôi hai cháu Lê Hiếu N và Lê Chí C.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Phước T nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim P và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét thấy, địa chỉ của bị đơn anh Lê Phước T tại số nhà 45 B, đường Mai Văn Khải, tổ 2, ấp 3, xã Mỹ Tân (cũ) nay là phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Khu vực 6 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Bị đơn anh Lê Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt anh T.

[4]. *Nội dung vụ án:* Chị Lê Thị Kim P yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phước T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P và anh Lê Phước T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Mỹ, huyện C Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, số 192/2015, quyền số 01/2015, đăng ký ngày 09/12/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng đầu tháng 4/2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tài chính, sống không có Tg nói chung trong gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị P đã nhiều lần góp ý nhưng ông T vẫn không thay đổi dẫn đến mục đích xây dựng gia đình không đạt được. Cuối tháng 4/2024 vợ chồng sống ly thân, dù vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không còn hạnh phúc như trước nên chị P đề nghị được ly hôn với anh T và anh T cũng có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ_HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối C về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình “...*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể*

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Chị P và anh T không hàn gắn được với nhau, việc ai nấy làm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân, không giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển.

Do đó, xét yêu cầu của chị Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với anh Lê Phước T là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung tên Lê Hiếu N, sinh ngày 15/02/2016 và Lê Chí C, sinh ngày 16/7/2018. Hiện tại hai con chung đang chung sống với chị P được đi học và sống ổn định. Theo văn bản ý kiến anh T cũng đồng ý để cho chị P tiếp tục nuôi hai con chung. Do đó, việc chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Hiếu N, sinh ngày 15/02/2016 và Lê Chí C, sinh ngày 16/7/2018 sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng chị Lê Thị Kim P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Kim P đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004388 ngày

13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Lê Thị Kim P đã nộp xong tiền án phí.

Anh Lê Phước T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim P. Chị Lê Thị Kim P được ly hôn với anh Lê Phước T.

[2]. *Về con chung*: Chị Lê Thị Kim P được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Hiếu N, sinh ngày 15/02/2016 và Lê Chí C, sinh ngày 16/7/2018. Hiện hai con chung đang sống với chị P.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Kim P không yêu cầu anh Lê Phước T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị P đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004388 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Phước T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu**

Bùi Thị Tuyết Nga